

THU MỤC

TẠP CHÍ KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN SỐ 263 THÁNG 5 NĂM 2019

Trung tâm Thông tin Thư viện trân trọng giới thiệu Thư mục Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 263 tháng 5 năm 2019.

1. Khảo sát mối liên hệ kinh tế giữa các tỉnh thành của Việt Nam: Tiếp cận bằng phương pháp hồi quy không gian/ Nguyễn Văn Thắng, Trần Thị Tuấn Anh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 263 tháng 5/2019 .- Tr. 2 – 12

Tóm tắt: Để phát triển kinh tế các địa phương thì khi hoạch định chính sách không chỉ cần phát huy nguồn lực nội tại của địa phương mà còn cần phải phát huy tác dụng của mối liên kết kinh tế giữa các địa phương. Bài viết thực hiện kiểm định mức độ liên kết kinh tế giữa các địa phương bằng cách tiếp cận phương pháp hồi quy không gian với dữ liệu thu thập từ năm 2010 đến 2017 từ Niên giám Thống kê tỉnh thành. Kết quả cho thấy tương quan không gian thuận chiều giữa các địa phương tại Việt Nam về quy mô tổng sản phẩm tạo ra trên địa bàn cấp tỉnh, quy mô tổng vốn đầu tư trong và quy mô dân số trung bình của tỉnh. Kết quả sử dụng phương pháp hồi quy không gian cho thấy các yếu tố vốn, yếu tố lao động không những tác động cùng chiều đến quy mô tăng trưởng kinh tế của địa phương đó mà còn có ảnh hưởng cùng chiều đến quy mô kinh tế của các địa phương lân cận.

Từ khóa: Mối liên kết kinh tế giữa các địa phương; Hiệu ứng lan truyền; Hồi quy không gian

2. Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam – Thực trạng và những vấn đề đặt ra/ Lê Quốc Hội, Trương Như Hiếu, Vũ Mạnh Linh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 263 tháng 5/2019 .- Tr. 13 – 24

Tóm tắt: Bài viết phân tích tình hình hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) dựa trên số liệu điều tra doanh nghiệp của Tổng cục Thống kê. Nghiên cứu chỉ ra rằng khu vực doanh nghiệp FDI tăng nhanh về số lượng và đóng vai trò quan trọng trong tạo việc làm. Tuy nhiên vai trò này có xu hướng giảm do sự chuyển dịch sang mô hình sản xuất sử dụng ít lao động của các doanh nghiệp FDI. Bên cạnh các thành tựu, hoạt động của khu vực doanh nghiệp FDI còn tồn tại một số hạn chế như tỉ lệ doanh nghiệp báo cáo lãi còn thấp, các chỉ tiêu tài chính không có nhiều cải thiện qua các năm, trình độ công nghệ thấp, có dấu hiệu bất thường trong các dự án có vốn từ các quốc đảo, vùng lãnh thổ nhỏ vào Việt Nam. Từ đó nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị về chiến lược phát triển khu vực FDI trong giai đoạn mới.

Từ khóa: Doanh nghiệp FDI; Điều tra doanh nghiệp

3. Chính sách lãi suất đối với việc kiểm soát lạm phát: Nghiên cứu trường hợp của Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế mở/ Vũ Văn Hùng// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 263 tháng 5/2019 .- Tr. 25 – 32

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, một số nước đang phát triển quyết định chuyển hướng sang việc thiết lập chính sách lãi suất với mục tiêu kiểm soát lạm phát, trong đó sẽ điều tiết sao cho lạm phát chỉ ở mức độ nào đó và từ đó lan tỏa dẫn đến các mục tiêu khác như tăng trưởng ổn định, tỷ lệ thất nghiệp giảm, điều này cũng có nghĩa lạm phát là yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc thiết lập chính sách lãi suất. Xét trên khía cạnh lý thuyết, giữa chính sách lãi suất và lạm phát có mối quan hệ chặt chẽ, đặc biệt là trong dài hạn. Tuy nhiên, thực tế tại các nước đang phát triển thời gian qua cho thấy, chính sách lãi suất cũng có những giới hạn nhất định trong việc kiểm soát lạm phát. Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung vào việc đánh giá những tác động của chính sách lãi suất đối với lạm phát từ đó đề xuất một số giải pháp về chính sách lãi suất nhằm kiểm soát lạm phát trong bối cảnh nền kinh tế mở hiện nay ở Việt Nam.

Từ khóa: Ngân hàng Trung ương; Ngân hàng thương mại; Tổ chức tín dụng; Chính sách tiền tệ

4. Tác động của cơ cấu hội đồng quản trị đến chất lượng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam/ Trần Thị Kim Anh, Hoàng Hà Anh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 263 tháng 5/2019 .- Tr. 33 – 42

Tóm tắt: Thực trạng chất lượng báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trở thành một vấn đề đáng lo ngại khi mà một loạt các vụ bê bối gian lận kế toán xảy ra liên tiếp như vụ việc của Enron, WorldCom, Tyco International, Toshiba... Sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng trên cơ sở số liệu của 80 công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam năm 2017, bài viết này kiểm định về tác động của cơ cấu hội đồng quản trị công ty đến chất lượng báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng tỷ lệ thành viên hội đồng quản trị độc lập và tần suất họp hội đồng quản trị có những ảnh hưởng nhất định đến chất lượng báo cáo tài chính. Qua đó, nhóm tác giả đưa ra các khuyến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế quản trị công ty về hội đồng quản trị để góp phần nâng cao chất lượng báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Từ khóa: Chất lượng báo cáo tài chính; Hội đồng quản trị; Quản trị công ty

5. Ảnh hưởng của một số nhân tố đến ý định ứng dụng công nghệ nông nghiệp mới của các hộ nông dân Việt Nam/ Trương Đình Chiến, Nguyễn Đình Toàn// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 263 tháng 5/2019 .- Tr. 43 – 52

Tóm tắt: Bài báo đã sử dụng dữ liệu khảo sát từ 273 hộ nông dân trồng cây ăn quả ở 23 tỉnh để đánh giá tác động của một số nhân tố đến ý định ứng dụng công nghệ mới vào sản

xuất nông nghiệp của người nông dân Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã xác định và đo lường được một số nhân tố có tác động tích cực thúc đẩy và một số nhân tố có tác động tiêu cực cản trở ý định ứng dụng công nghệ mới của người nông dân. Các phát hiện này là cơ sở để khuyến nghị chính sách và giải pháp thúc đẩy người nông dân Việt Nam ứng dụng công nghệ mới.

Từ khóa: Ý định ứng dụng công nghệ nông nghiệp; Điều kiện tài chính; Khả năng ứng dụng; Thị trường tiêu thụ; Truyền thông

6. Động lực, kỹ năng và sự sáng tạo: Vai trò điều tiết hỗn hợp của quyền tự quản công việc/ Lê Công Thuận, Bùi Thị Thanh// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 263 tháng 5/2019 .- Tr. 53 – 62

Tóm tắt: Kế thừa mô hình khả năng, động lực và cơ hội (Blumberg & Pringle, 1982), nghiên cứu này kiểm định tác động của động lực bên ngoài, động lực hướng đến xã hội, kỹ năng sáng tạo và quyền tự quản công việc lên sự sáng tạo của nhân viên. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ 320 nhân viên đang làm việc tại các công ty công nghệ thông tin tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Bến Tre. Kết quả cho thấy, kỹ năng sáng tạo và động lực hướng đến xã hội ảnh hưởng cùng chiều lên sự sáng tạo của nhân viên. Động lực bên ngoài ảnh hưởng ngược chiều lên sự sáng tạo của nhân viên một cách trực tiếp và gián tiếp thông qua kỹ năng sáng tạo. Thêm vào đó, quyền tự quản công việc tác động tích cực đến sự sáng tạo của nhân viên, đồng thời điều tiết mối quan hệ giữa kỹ năng sáng tạo và sự sáng tạo của nhân viên.

Từ khóa: Động lực bên ngoài; Động lực hướng đến xã hội; Kỹ năng sáng tạo; Quyền tự quản công việc; Sự sáng tạo

7. Phân phối lợi ích trong chuỗi cung ứng sản phẩm cá hồng Mỹ tại Nam Trung Bộ/ Nguyễn Thị Nga, Trần Đình Thao// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 263 tháng 5/2019 .- Tr. 63 – 73

Tóm tắt: Mục tiêu của bài viết phân tích phân phối lợi ích giữa các tác nhân trong chuỗi cung ứng cá hồng Mỹ tại Nam Trung Bộ, nghiên cứu đã khảo sát 56 tác nhân tham gia trực tiếp đại diện tại 05 tỉnh trong giai đoạn 2015 - 2017. Bài viết tiếp cận phương pháp phân tích kinh tế chuỗi giá trị để phân tích chuỗi cung sản phẩm này. Các tác nhân tham gia gồm hộ nuôi, thương lái, công ty chế biến xuất khẩu thủy sản, người bán buôn và người bán lẻ. Kết quả nghiên cứu cho thấy chuỗi cung này đang thiếu sự liên kết, sự phân phối lợi ích giữa các tác nhân tham gia chuỗi không đảm bảo cân xứng về lợi ích như thương lái và công ty chế biến xuất khẩu thủy sản đóng góp giá trị tăng thêm vào chuỗi thấp nhưng có được lợi ích rất cao, trong khi đó hộ nuôi đóng góp giá trị tăng thêm cao nhưng lợi ích nhận được là rất thấp. Nghiên cứu đề xuất giải pháp nhằm điều chỉnh hài hòa quan hệ lợi ích giữa các tác nhân tham gia chuỗi.

Từ khóa: Chuỗi cung ứng; Phân phối lợi ích; Cá hồng Mỹ; Nam Trung Bộ Việt Nam

8. Về năng lực quản lý của điều dưỡng Trưởng khoa với kết quả chăm sóc người bệnh tại một số bệnh viện Trung Ương trên địa bàn Thành phố Hà Nội/ Nguyễn Văn Uy, Nguyễn Thị Ngọc Huyền// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 263 tháng 5/2019 .- Tr. 74 – 84

Tóm tắt: Trên cơ sở mô hình hồi quy tuyến tính phân tích mối quan hệ giữa năng lực quản lý của điều dưỡng trưởng khoa với kết quả chăm sóc người bệnh thông qua một số chỉ tiêu như tỷ lệ trượt ngã, tỷ lệ loét tỳ đè, lỗi dùng thuốc và tỷ lệ hài lòng của người bệnh, bài viết chỉ ra việc nâng cao năng lực quản lý của điều dưỡng trưởng khoa với kết quả chăm sóc một mặt, đòi hỏi bản thân sự nỗ lực cố gắng của các điều dưỡng trưởng khoa. Mặt khác, các bệnh viện cần phải xây dựng khung năng lực quản lý và thực hiện đánh giá điều dưỡng trưởng khoa theo khung năng lực đó, tăng cường đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao động lực làm việc cho điều dưỡng trưởng khoa và xây dựng văn hóa bệnh viện theo khung năng lực.

Từ khóa: Bệnh viện Trung ương; Năng lực quản lý; Điều dưỡng trưởng khoa; Kết quả chăm sóc

9. Chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh nội trú tại cơ sở y tế công lập - Trường hợp nghiên cứu tại Bệnh Viện Saint Paul/ Nguyễn Tài Phương, Ngô Thu Giang// Tạp chí Kinh tế và phát triển .- Số 263 tháng 5/2019 .- Tr. 85 – 96

Tóm tắt: Trong môi trường cạnh tranh gay gắt, chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh là một vấn đề chủ chốt giúp cho các cơ sở y tế công lập có vị thế cạnh tranh trên thị trường. Nhận thức của khách hàng về chất lượng dịch vụ là nhân tố quan trọng nhất để họ ra quyết định lựa chọn cơ sở y tế. Với mô hình đề xuất là SERVPERF, khảo sát 120 bảng hỏi, kết hợp với phân tích nhân tố khám phá và hồi qui đa biến, nghiên cứu đã kiểm định các thành tố trong chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh nội trú và tác động của các thành tố tới mức độ hài lòng của khách hàng. Kết quả cho thấy, chất lượng dịch vụ của cơ sở y tế công lập được cấu thành từ 5 thành tố là tin cậy, đáp ứng, năng lực phục vụ, đồng cảm và phương tiện hữu hình. Ba thành tố là tin cậy, đồng cảm và năng lực phục vụ có tác động có nghĩa, giải thích tới 67% mức độ hài lòng của khách hàng, trong đó, thành tố quan trọng nhất là tin cậy.

Từ khóa: Chất lượng dịch vụ; Cơ sở y tế công lập; Khám chữa bệnh nội trú; Thỏa mãn của khách hàng

Trung tâm Thông tin Thư viện